

Bản án số: 572/2022/HS-PT
Ngày: 23-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**
Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**
Ông **Mai Xuân Thành.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Đỗ Xuân Ân** - Kiểm sát viên.

Ngày 23-12-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 486/2022/TLPT-HS ngày 24-10-2022 đối với bị cáo **Nguyễn Văn H**, cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2022/HS-ST ngày 15-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Văn H; sinh ngày 13-12-1996, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Xuân T và bà Trương Thị H; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 17-12-2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

2. Đỗ Thị Mỹ H1; sinh ngày 05-3-1992, tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký NKTT: tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: tỉnh Đồng Nai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; giới tính: Nữ; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đỗ Việt H (đã chết) và bà Trần Thị Lệ H; chồng là Huỳnh Văn T (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 31-3-2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Đặng Trung H2; sinh ngày 10-5-2003, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo:

Phật giáo; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị N; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 17-12-2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Văn N; sinh ngày 24-7-2000, tại Đắk Lắk; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 09/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Trần Văn X và bà Trần Thị H; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 17-12-2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:

- Người bào chữa:

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H và Đỗ Thị Mỹ H1:

Luật sư **Nguyễn Thị Thanh L** - Văn phòng Luật sư N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đặng Trung H2:

Luật sư **Mai Quốc A** - Văn phòng Luật sư A, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N:

Luật sư **Văn Đức M** - Văn phòng Luật sư A, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Kiêm B, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Thôn 1, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 3, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3. Anh Phan Văn M, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Thôn 1, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

4. Anh Phan Văn D, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 7, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, N vụ liên quan:

1. Anh Hoàng G, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Thôn 3, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Lệ H, sinh năm 1967 (mẹ bị cáo H1); địa chỉ cư trú: tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1960 (bố bị cáo H); địa chỉ cư trú: \thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. Ông Trần Văn X, sinh năm 1967 (bố bị cáo N); địa chỉ cư trú: tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

5. Bà Đặng Thị N, sinh năm 1977 (mẹ bị cáo H2); địa chỉ cư trú: tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

(Vụ án có 03 người làm chứng, nhưng không liên quan đến kháng cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2020, Nguyễn Văn H sang Vương quốc Campuchia làm việc cho một số Công ty Game đánh bạc trực tuyến. Trong T gian làm việc tại đây, H thấy những công ty này có nhu cầu tuyển người Việt Nam sang để làm việc. Qua tìm hiểu, H biết thông tin nếu đưa được 01 người Việt Nam sang làm việc, thì công ty sẽ trả tiền công từ 2.500 đến 3.000 USD (khoảng 46.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng), nên H tìm cách đưa người vượt biên trái phép sang Campuchia để đưa vào các công ty nhằm thu lợi bất chính. Sau đó, H thỏa thuận với hai đối tượng người Việt Nam tên Thành và Sửu (không xác định được nhân thân, lai lịch) là nếu H tìm được người, thì nhờ Thành và Sửu giúp đưa người vượt biên sang Campuchia và đưa vào các công ty để bán người, Thành và Sửu đồng ý.

Tháng 10-2021, H từ Campuchia trở về Việt Nam rồi liên hệ, trao đổi với Nguyễn Đặng Trung H2 và Trần Văn N về việc tìm người đưa sang Campuchia bán lấy tiền, N và H2 đồng ý. H thực hiện việc liên hệ, đưa người sang Campuchia, giao việc tìm người cho H2 và N, ai trực tiếp tìm được người sẽ nhận được 400 USD, người còn lại nhận được 100 USD. Quá trình trao đổi, H nói cho H2, N biết khi sang Campuchia, người lao động phải ăn ở, làm việc tập trung, bị quản thúc, không được tự do đi lại, T gian làm việc từ 12 đến 15 giờ mỗi ngày, công việc rất áp lực, phải đạt chỉ tiêu do công ty đặt ra thì mới được nhận đủ lương, nếu không đạt sẽ bị trừ lương hoặc bán cho các công ty khác. Do đó, H dặn H2 và N khi đăng bài trên các trang mạng xã hội để tìm người phải đưa thông tin với nội dung tuyển lao động với mức lương từ 23.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/tháng, mỗi ngày làm việc từ 08 giờ đến 10 giờ, công việc thoải mái, không bị gò bó, có ký kết hợp đồng lao động, công ty sắp xếp chỗ ăn ở... Bên cạnh đó, để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, H thường sử dụng nhiều tài khoản trên mạng xã hội như Zalo, Facebook, Telegram để trao đổi nội dung với các đối tượng bên Campuchia.

Đến tháng 11-2021, H2 thông báo cho H biết đã tìm được 04 người gồm các anh: Nguyễn Kiếm B (sinh năm 1992, trú tại thôn 1, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk), Nguyễn Quốc H (sinh năm 1994, trú tại tổ dân phố 3, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk), Phan Văn M (sinh năm 1993, trú tại thôn 1, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) và Phan Văn D (sinh năm 1994, trú tại tổ dân phố 7, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk). H2 gửi hình ảnh và thông tin cá nhân của các anh B, H, M và D cho H rồi H thông báo lại cho N biết. Sau khi có được thông tin cá nhân của các anh B, H, M và D thì H gửi thông tin cho Đỗ Thị Mỹ H1, Thành và Sửu để tổ chức đưa người sang Campuchia. Sau đó, Thành trực tiếp liên hệ và đón các anh B, H, M và D tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đưa đến biên giới tỉnh Tây Ninh để vượt biên trái

phép sang Campuchia. Khi đến lãnh thổ Campuchia, Sứ sẽ nhận và đưa các anh B, H, M và D đến công ty làm việc do H1 đã liên hệ trước đó với một người tên A (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để bán người.

Sau khi H1 tìm được công ty để bán người thì H1 và H thông báo địa chỉ nơi bán người cho Sứ. Sau khi đưa được người vào công ty, A chuyển cho H1 263.200.000 đồng. H1 nhận tiền và chuyển cho Sứ và Thành 136.300.000 đồng, chuyển cho H 103.400.000 đồng, còn H1 hưởng lợi 23.500.000 đồng. Khi nhận được tiền, H giữ lại 52.400.000 đồng, chuyển cho H2 46.000.000 đồng, chuyển cho N 5.000.000 đồng.

Đối với các anh Nguyễn Kiêm B, Nguyễn Quốc H, Phan Văn M và Phan Văn D sau khi vào các Công ty Game đánh bạc trực tuyến tại Campuchia đã bị công ty bắt làm việc trong T gian dài, không được nghỉ ngơi, không được ra khỏi nơi làm việc, tính chất công việc rất vất vả, áp lực, nếu làm việc không theo yêu cầu sẽ bị đánh đập, bỏ đói, bán đi nơi khác. Nếu muốn được trở về Việt Nam, thì mỗi người phải nộp tiền chuộc cho công ty khoảng 100.000.000 đồng. Nhận thấy công việc không như giới thiệu, hứa hẹn, thỏa thuận và biết mình bị lừa gạt để bán trái phép sang Campuchia, nên các anh B, H, M và D đã liên lạc với gia đình tố giác hành vi của các bị cáo đến Công an tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, anh B đã được giải cứu về Việt Nam; ngày 02-9-2022, anh H cũng trở về Việt Nam, còn các anh M và D vẫn chưa giải cứu được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2022/HS-ST ngày 15-9-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

1. Áp dụng các điểm a, d, đ khoản 2 Điều 150; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

1.1. Nguyễn Văn H 14 (mười bốn) năm tù về tội “Mua bán người”. T hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 17-12-2021.

1.2. Nguyễn Đặng Trung H2 12 (mười hai) năm tù về tội “Mua bán người”. T hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 17-12-2021.

2. Áp dụng các điểm a, d, đ khoản 2 Điều 150; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

2.1. Đỗ Thị Mỹ H1 13 (mười ba) năm tù về tội “Mua bán người”. T hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 31-3-2022.

2.2. Trần Văn N 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán người”. T hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 17-12-2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 19-9-2022, các bị cáo Nguyễn Văn H, Đỗ Thị Mỹ H1, Trần Văn N và Nguyễn Đặng Trung H2 đều kháng cáo, xin giảm hình phạt.

- Ngày 24-9-2022, các anh Nguyễn Kiêm B và Nguyễn Quốc H kháng cáo đề nghị giảm hình phạt cho các bị cáo.

- Ngày 28-9-2022 các anh Phan Văn M và Phan Văn D kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo và buộc các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại 150.000.000 đồng/người.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn H, Đỗ Thị Mỹ H1, Nguyễn Đăng Trung H2 và Trần Văn N và các bị hại kháng cáo bản án sơ thẩm; đơn kháng cáo của bị cáo và của bị hại là trong T hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Bị hại là các anh Nguyễn Kiếm B và Nguyễn Quốc H kháng cáo đề nghị giảm hình phạt cho các bị cáo, nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử vắng mặt bị hại có kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đăng Trung H2 giữ nguyên kháng cáo, đề nghị giảm hình phạt; các bị cáo Nguyễn Văn H, Đỗ Thị Mỹ H1 và Trần Văn N thay đổi nội dung kháng cáo, cả 3 bị cáo đều kêu oan, cho rằng chỉ thực hiện hành vi giúp các anh Nguyễn Kiếm B, Nguyễn Quốc H, Phan Văn M và Phan Văn D xuất cảnh trái phép sang Campuchia để tìm việc làm và được công ty tại Campuchia trả tiền công môi giới, do đó hành vi của các bị cáo không phạm tội “Mua bán người” như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết; bị hại là các anh Phan Văn M và Phan Văn D đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo và buộc các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại 150.000.000 đồng/người.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Không chấp nhận nội dung thay đổi kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Đỗ Thị Mỹ H1 và Trần Văn N.

- Không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của Nguyễn Đăng Trung H2.

- Không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt cho các bị cáo của bị hại là các anh Nguyễn Kiếm B và Nguyễn Quốc H.

- Chấp nhận kháng cáo của bị hại là các anh Phan Văn M và Phan Văn D về trách nhiệm dân sự.

- Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo và buộc các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại cho các anh Phan Văn M, Phan Văn D.

Tại phần tranh luận, bị cáo Nguyễn Đăng Trung H2 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; các Luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn H, Đỗ Thị Mỹ H1 và Trần Văn N đều cho rằng các bị cáo không phạm tội “Mua bán người”, mà hành vi của các bị cáo cấu thành tội danh khác. Tuy nhiên, các bị cáo lại thay đổi

quan điểm, cho rằng do hiểu biết pháp luật còn hạn chế, nên trước đó chỉ thừa nhận thực hiện hành vi giúp các bị hại xuất cảnh trái phép sang Campuchia để được hưởng tiền công môi giới, nhưng sau đó đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, đồng ý cùng liên đới bồi thường thiệt hại cho các anh Phan Văn M, Phan Văn D, mỗi bị hại 150.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt.

Nói lời sau cùng, cả 04 bị cáo đều nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đến nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm hình phạt cho các bị cáo.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Vì mục đích thu lợi bất chính, nên vào tháng 10-2021, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đăng Trung H2 và Trần Văn N đã bàn bạc, trao đổi và thống nhất với nhau về việc đăng tin tuyển lao động việc nhẹ, lương cao nhằm mục đích lừa bán sang Vương quốc Campuchia để lấy tiền tiêu xài. Tháng 11-2021, sau khi dụ dỗ, lừa gạt được các anh Nguyễn Kiếm B, Nguyễn Quốc H, Phan Văn M và Phan Văn D, thì H đã liên hệ với Đỗ Thị Mỹ H1 cùng với các đối tượng khác (không xác định được nhân thân, lai lịch) gồm Thành, Sửu và A bán các anh B, H, M và D cho một công ty ở Campuchia, do người Trung Quốc làm chủ để thu lợi bất chính tổng số tiền là 263.200.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính từ việc bán người, Thành và Sửu giữ lại 136.300.000 đồng, H1 được chia 23.500.000 đồng, H được chia 52.400.000 đồng, sau đó H chia cho H2 46.000.000 đồng và cho N 5.000.000 đồng.

Sau khi các anh Nguyễn Kiếm B, Nguyễn Quốc H, Phan Văn M và Phan Văn D vào Công ty Game đánh bạc trực tuyến tại Campuchia đã bị công ty bắt làm việc từ 12 đến 15 giờ mỗi ngày, không được nghỉ ngơi, không được ra khỏi nơi làm việc, tính chất công việc vất vả, áp lực. Nếu các anh làm việc không đạt theo yêu cầu của công ty thì sẽ bị đánh đập, bỏ đói hoặc bị đe dọa bán đi nơi khác; nếu muốn được trở về Việt Nam, thì mỗi người phải nộp tiền chuộc cho công ty khoảng 100.000.000 đồng. Nhận thấy mình bị lừa gạt để bán trái phép sang Campuchia, nên các anh B, H, M và D đã liên lạc với gia đình để tố cáo hành vi phạm tội của các bị cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Đắk Lắk và sau đó Nguyễn Văn H, Đỗ Thị Mỹ H1, Nguyễn Đăng Trung H2 và Trần Văn N bị bắt giữ.

Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn H, Đỗ Thị Mỹ H1, Nguyễn Đăng Trung H2 và Trần Văn N đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Mua bán người”, với 03 tình tiết định khung “Có tổ chức”, “Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” và “Đối với từ 02 người đến 05 người”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm các bị cáo về tội “Mua bán người” theo các điểm a, d và đ khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

- Đối với Nguyễn Văn H:

Bị cáo là người chủ mưu, khởi xướng, rủ rê lôi kéo các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi tìm được người muốn sang Vương quốc Campuchia làm

việc, bị cáo đã liên hệ với Đỗ Thị Mỹ H1 cùng một số đối tượng khác để bán các anh Nguyễn Kiếm B, Nguyễn Quốc H, Phan Văn M và Phan Văn D vào Công ty Game đánh bạc trực tuyến để thu lợi bất chính tổng số tiền là 263.200.000 đồng. Mặc dù, quá trình xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo quanh co, cho rằng chỉ thực hiện hành vi giúp các anh Nguyễn Kiếm B, Nguyễn Quốc H, Phan Văn M và Phan Văn D xuất cảnh trái phép sang Campuchia tìm việc làm và được trả tiền công môi giới, nên hành vi của bị cáo không phạm tội “Mua bán người”, nhưng tại phần tranh luận bị cáo thay đổi quan điểm, thừa nhận do hiểu biết pháp luật còn hạn chế, nên đã thực hiện hành vi giúp các bị hại xuất cảnh trái phép để được hưởng tiền công môi giới là phạm tội, đồng ý cùng liên đới bồi thường thiệt hại cho các anh Phan Văn M và Phan Văn D, mỗi bị hại 150.000.000 đồng. Như vậy, tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; gia đình bị cáo có công với cách mạng, có hoàn cảnh khó khăn. Do đó, để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ giảm hình phạt cho bị cáo.

- Đối với Đỗ Thị Mỹ H1:

Trong vụ án này, bị cáo là người thực hành tích cực nhất. Sau khi được Nguyễn Văn H thông báo tìm được người, bị cáo đã câu kết với các đối tượng Thành, Sửu và A bán các anh Nguyễn Kiếm B, Nguyễn Quốc H, Phan Văn M và Phan Văn D cho một công ty ở Campuchia và được chia 23.500.000 đồng, nên bị cáo giữ vai trò thứ hai. Mặc dù, quá trình xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo quanh co, cho rằng chỉ thực hiện hành vi giúp Nguyễn Văn H xin cho các bị hại vào làm việc tại Công ty Game đánh bạc trực tuyến sau khi các bị hại đã nhập cảnh vào Campuchia, nên hành vi của bị cáo không phạm tội “Mua bán người”, nhưng tại phần tranh luận bị cáo thừa nhận thực hiện hành vi giúp các bị hại vào làm việc tại công ty đánh bạc trực tuyến để được hưởng tiền công môi giới là vi phạm pháp luật, đồng ý cùng liên đới bồi thường thiệt hại cho các anh Phan Văn M và Phan Văn D, mỗi bị hại 150.000.000 đồng. Như vậy, tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra, nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Đối với Nguyễn Đặng Trung H2:

Sau khi được Nguyễn Văn H rủ rê, bị cáo đã tìm người có nhu cầu xuất cảnh trái phép rồi cùng với Nguyễn Văn H và Đỗ Thị Mỹ H1 bán các anh Nguyễn Kiếm B, Nguyễn Quốc H, Phan Văn M và Phan Văn D cho công ty đánh bạc trực tuyến tại Campuchia và được chia 46.000.000 đồng. Như vậy, trong vụ án này, bị cáo là người dụ dỗ các bị hại nên là đồng phạm tham gia với vai trò là người thực hành tích cực. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện liên đới bồi thường thiệt hại; nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Đối với Trần Văn N:

Sau khi được Nguyễn Văn H rủ rê, bị cáo đã tìm người có nhu cầu xuất cảnh trái phép rồi cùng với Nguyễn Văn H và Đỗ Thị Mỹ H1 bán các anh Nguyễn Kiếm B, Nguyễn Quốc H, Phan Văn M và Phan Văn D cho công ty đánh bạc trực tuyến tại Campuchia và được chia 5.000.000 đồng. Cũng như Nguyễn Văn H và Đỗ Thị Mỹ H1, quá trình xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo quanh co, cho rằng chỉ thực hiện hành vi giúp Nguyễn Văn H là thông báo đã tìm được người xuất cảnh trái phép sang Campuchia để được trả tiền công môi giới, nên hành vi của bị cáo không phạm tội “Mua bán người”, nhưng tại phần tranh luận bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đồng ý cùng liên đới bồi thường thiệt hại cho các anh Phan Văn M và Phan Văn D, mỗi bị hại 150.000.000 đồng. Như vậy, tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; phạm tội với vai trò là người giúp sức; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ giảm hình phạt cho bị cáo.

Như vậy, kháng cáo của các bị cáo đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Xét kháng cáo của bị hại là các anh Nguyễn Kiếm B và Nguyễn Quốc H:

Chỉ vì mục đích thu lợi bất chính, nên Nguyễn Văn H, Đỗ Thị Mỹ H1, Nguyễn Đăng Trung H2 và Trần Văn N đã bàn bạc, trao đổi và thống nhất với nhau dụ dỗ, lừa gạt và bán các anh Nguyễn Kiếm B, Nguyễn Quốc H, Phan Văn M và Phan Văn D cho một công ty ở Campuchia để thu lợi bất chính tổng số tiền là 263.200.000 đồng, nhưng sau khi phạm tội, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn. Vì vậy, để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm hình phạt cho các bị cáo để tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm hòa nhập cộng đồng.

Như vậy, kháng cáo của các bị hại đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Xét kháng cáo của bị hại là các anh Phan Văn M và Phan Văn D:

[4.1]. Về trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm trái pháp luật đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm của bị hại, gây mất trật tự, an toàn xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, mà còn xâm phạm đến chính sách đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Do đó, cần xử phạt các bị cáo hình phạt nghiêm khắc, nhưng do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt cho các bị cáo của bị hại là anh Nguyễn Kiếm B và anh Nguyễn Quốc H, nên không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt tù đối với các bị cáo của anh Phan Văn M và Phan Văn D.

[4.2]. Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với anh Nguyễn Kiêm B và anh Nguyễn Quốc H đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, bị hại không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

- Đối với bị hại là anh Phan Văn M và anh Phan Văn D:

Tại T điểm xét xử sơ thẩm, các anh Phan Văn M và anh Phan Văn D chưa được giải cứu, vẫn đang ở Campuchia, nên chưa có yêu cầu bồi thường. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tách phần trách nhiệm dân sự của 02 trường hợp này để giải quyết bằng vụ án dân sự khác, khi có yêu cầu là đúng quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên, đến T điểm xét xử phúc thẩm, các anh M và D đã có mặt tại Việt Nam và tại phiên tòa phúc thẩm, các anh yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường cho mỗi anh 150.000.000 đồng.

Xét thấy, yêu cầu bồi thường thiệt hại của các anh Phan Văn M và Phan Văn D là chính đáng; đồng T, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại. Do đó, căn cứ các Điều 584, 590 và 592 của Bộ luật Dân sự; các Điều 1, 3 Phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2026 của của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Phan Văn M 150.000.000 đồng, liên đới bồi thường cho anh Phan Văn D 150.000.000 đồng và chia theo phần:

- Nguyễn Văn H chịu trách nhiệm bồi thường:

1. Anh Phan Văn M 40%/150.000.000 đồng là 60.000.000 đồng.

2. Anh Phan Văn D 40%/150.000.000 đồng là 60.000.000 đồng.

- Đỗ Thị Mỹ H1 chịu trách nhiệm bồi thường:

1. Anh Phan Văn M 30%/150.000.000 đồng là 45.000.000 đồng.

2. Anh Phan Văn D 30%/150.000.000 đồng là 45.000.000 đồng.

- Nguyễn Đăng Duy H2 chịu trách nhiệm bồi thường:

1. Anh Phan Văn M 15%/150.000.000 đồng là 22.500.000 đồng.

2. Anh Phan Văn D 15%/150.000.000 đồng là 22.500.000 đồng.

- Trần Văn N chịu trách nhiệm bồi thường:

1. Anh Phan Văn M 15%/150.000.000 đồng là 22.500.000 đồng.

2. Anh Phan Văn D 15%/150.000.000 đồng là 22.500.000 đồng.

Như vậy, kháng cáo của bị hại là các anh Phan Văn M và Phan Văn D đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và chỉ có cơ sở để chấp nhận phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[6]. Về án phí:

[6.1]. Án phí dân sự: Các bị cáo phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[6.2]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Đỗ Thị Mỹ H1, Nguyễn Đăng Trung H2 và Trần Văn N.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị hại là anh Nguyễn Kiêm B và anh Nguyễn Quốc H.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại là anh Phan Văn M và anh Phan Văn D.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2022/HS-ST ngày 15-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần Trách nhiệm hình sự và bổ sung phần Trách nhiệm dân sự (bồi thường thiệt hại đối với các anh Phan Văn M và Phan Văn D).

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Áp dụng các điểm a, d, đ khoản 2 Điều 150; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Văn H 12 (mười hai)** năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Mua bán người”. T hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 17-12-2021.

2.2. Áp dụng các điểm a, d, đ khoản 2 Điều 150; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Đỗ Thị Mỹ H1 12 (mười hai)** năm tù về tội “Mua bán người”. T hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 31-3-2022.

2.3. Áp dụng các điểm a, d, đ khoản 2 Điều 150; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Đăng Trung H2 11 (mười một)** năm tù về tội “Mua bán người”. T hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 17-12-2021.

2.4. Áp dụng các điểm a, d, đ khoản 2 Điều 150; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Trần Văn N 07 (bảy)** năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Mua bán người”. T hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 17-12-2021.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 288, 289, 584, 590 và 592 của Bộ luật Dân sự.

3.1. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Đỗ Thị Mỹ H1, Nguyễn Đăng Duy H2 và Trần Văn N phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Phan Văn M 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), chia theo phần:

- Nguyễn Văn H phải bồi thường 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

- Đỗ Thị Mỹ H1 phải bồi thường 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

- Nguyễn Đăng Duy H2 bồi thường 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Trần Văn N phải bồi thường 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

3.2. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Đỗ Thị Mỹ H1, Nguyễn Đăng Duy H2 và Trần Văn N phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Phan Văn D 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu đồng), chia theo phần:

- Nguyễn Văn H phải bồi thường 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

- Đỗ Thị Mỹ H1 phải bồi thường 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

- Nguyễn Đăng Duy H2 bồi thường 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Trần Văn N phải bồi thường 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện N vụ thì còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại T điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; T hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết T hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5.1. Về án phí dân sự:

- Nguyễn Văn N phải chịu 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

- Đỗ Thị Mỹ H1 phải chịu 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

- Nguyễn Đăng Duy H2 phải chịu 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

- Trần Văn N phải chịu 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

5.2. Về án phí hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Đỗ Thị Mỹ H1, Nguyễn Đăng Trung H2 và Trần Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các bị cáo (theo địa chỉ)
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường